

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54 /2016/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 149/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 149/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Công văn số 594/HĐND-VP ngày 30/9/2016 của HĐND tỉnh về việc thống nhất điều chỉnh, bổ sung danh sách chợ nông thôn đầu tư xây dựng giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 3017/TTr-SCT ngày 19/9/2016 và Công văn số 3438/SCT-TM ngày 20/10/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020 ban hành

kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai:

1. Sửa đổi Khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đối tượng áp dụng

UBND các huyện, thị xã Long Khánh thực hiện việc đầu tư xây dựng, kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi Điểm b Khoản 1 như sau:

“b) Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh được ưu tiên đầu tư các hạng mục trong phạm vi chợ như: san lấp mặt bằng, xây dựng nhà lồng, hệ thống đường nội bộ, hệ thống cấp điện, cấp và thoát nước, hệ thống xử lý rác thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy, văn phòng ban quản lý, nhà vệ sinh, công và các hạng mục khác có liên quan (không hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư)”.

b) Chính sửa tiêu đề Điểm a Khoản 2 như sau:

“a) Đối với chợ do UBND các huyện, thị xã Long Khánh làm chủ đầu tư (UBND cấp huyện có thể ủy quyền, giao cho UBND cấp xã hoặc Ban Quản lý dự án hoặc đơn vị có chức năng chuyên môn của huyện)”.

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Quy trình, hồ sơ; công tác thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đầu tư chợ nông thôn

1. Về quy trình

a) Trước ngày 31/12 hàng năm, UBND cấp huyện báo cáo kết quả đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn và đăng ký danh sách chợ nông thôn đầu tư xây dựng của năm sau kèm sơ đồ trích lục vị trí thửa đất dự kiến đầu tư xây dựng chợ gửi Sở Công Thương.

b) Trên cơ sở tổng hợp danh sách đăng ký chợ nông thôn đầu tư xây dựng kèm sơ đồ trích lục vị trí thửa đất dự kiến đầu tư xây dựng chợ của các địa phương, Sở Công Thương tổ chức đoàn khảo sát địa điểm và lập biên bản ghi nhận ý kiến của các thành viên đối với địa điểm đầu tư chợ nông thôn thời gian hoàn thành trước ngày 15/02.

Thành phần đoàn khảo sát gồm các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và chủ đầu tư xây dựng chợ.

c) Căn cứ biên bản, văn bản góp ý (nếu có) của các sở về địa điểm đầu tư chợ nông thôn và các nội dung liên quan, Sở Công Thương tổng hợp các chợ đủ điều kiện tổ chức đầu tư xây dựng và mời các sở, ban, ngành liên quan họp để thống nhất xác định tính cấp thiết, ưu tiên đầu tư của từng chợ cụ thể, thời gian hoàn thành trước ngày 15/3.

d) Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh sách chợ ưu tiên đầu tư đề địa phương làm cơ sở tổ chức triển khai xây dựng và lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng chợ nông thôn. Trường hợp, chợ không thuộc danh sách chợ nông thôn đầu tư xây dựng giai đoạn 2016 - 2020 hoặc có một số thông tin phải điều chỉnh, bổ sung thì UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất trước khi phê duyệt danh sách chợ ưu tiên đầu tư, thời gian hoàn thành trước ngày 30/4.

đ) UBND cấp huyện lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng chợ nông thôn gửi các Sở: Tài chính, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31/10 hàng năm để các sở thẩm định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt (trên cơ sở ý kiến đề xuất của Sở Tài chính). Trường hợp, các địa phương không thể hoàn thành hồ sơ theo thời gian quy định, thì báo cáo UBND tỉnh, đồng gửi Sở Công Thương trước ngày 30/7 hàng năm, để kịp thời xem xét, điều chỉnh.

e) Trước ngày 31/12 hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương trình UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt nguồn vốn và phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh hàng năm cho các địa phương, để thực hiện hỗ trợ và thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư xây dựng chợ nông thôn theo quy định.

2. Về hồ sơ

UBND cấp huyện lập 03 (ba) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ ngân sách tỉnh đầu tư chợ nông thôn gửi đến Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình hoặc văn bản của UBND cấp huyện (có ký tên, đóng dấu), trong đó, nêu rõ: Thông tin chung về chợ, đầu tư xây dựng chợ, nguồn vốn đầu tư, các giải pháp đảm bảo chợ hoạt động có hiệu quả (theo mẫu Phụ lục I kèm theo).

b) Bản sao quyết định, kèm theo báo cáo kinh tế kỹ thuật và tổng số dự toán đầu tư xây dựng chợ được phê duyệt theo thẩm quyền.

c) Bản sao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của UBND cấp huyện (đối với chợ do UBND các huyện, thị xã Long Khánh làm chủ đầu tư) hoặc hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư (đối với chợ do hợp tác xã hoặc doanh nghiệp làm chủ đầu tư).

d) Công văn cam kết đối ứng vốn đầu tư chợ nông thôn của UBND cấp huyện (đối với chợ do UBND các huyện, thị xã Long Khánh làm chủ đầu tư) hoặc văn bản cam kết bố trí đủ nguồn vốn đảm bảo đầu tư hoàn thành dự án chợ đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả công trình của hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư xây dựng chợ.

đ) Bản sao văn bản và kèm theo phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ do UBND cấp huyện phê duyệt.

e) Bảng tổng hợp hộ kinh doanh cam kết vào chợ buôn bán sau khi chợ xây dựng hoàn thành (theo mẫu Phụ lục II kèm theo).

3. Về quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đầu tư chợ nông thôn

a) Căn cứ công văn chấp thuận chủ trương của UBND tỉnh, Sở Tài chính phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ từ ngân sách tỉnh cho UBND huyện để thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ cho chủ đầu tư (UBND xã hoặc Ban Quản lý dự án hoặc đơn vị có chức năng chuyên môn của UBND huyện, thị xã Long Khánh hoặc hợp tác xã, doanh nghiệp).

b) Sau khi đầu tư xây dựng chợ hoàn thành, chủ đầu tư chợ hoàn chỉnh hồ sơ, lập thủ tục giải ngân và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đầu tư chợ nông thôn. UBND cấp huyện là đơn vị được tỉnh giao kinh phí để hỗ trợ cùng với ngân sách huyện (nếu có) và các nguồn vốn khác đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn, có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn, đảm bảo sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, khả thi, đạt hiệu quả cao. Đồng thời chịu trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục hỗ trợ và thanh quyết toán theo quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ dự toán được phê duyệt, khối lượng hoàn thành của công trình để giải ngân phần vốn ngân sách hỗ trợ tương ứng với tỷ lệ theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh.

- Trường hợp phần kinh phí quyết toán cao hơn so với phần dự toán được UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ thì khoản kinh phí chênh lệch này do chủ đầu tư đảm bảo.

- Trường hợp phần kinh phí quyết toán thấp hơn so với phần dự toán được UBND tỉnh và UBND cấp huyện (nếu có) phê duyệt hỗ trợ thì khoản kinh phí chênh lệch này, UBND cấp huyện có trách nhiệm thu hồi hoàn trả ngân sách tỉnh, ngân sách huyện (nếu có) theo quy định.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

a) Chỉnh sửa tiêu đề Điều 7 thành **“Điều 7. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã và hợp tác xã, doanh nghiệp là chủ đầu tư chợ”**

b) Bổ sung Khoản 3 vào Điều 7 như sau:

“3. Trách nhiệm của hợp tác xã, doanh nghiệp là chủ đầu tư chợ

a) Thực hiện đầu tư xây dựng chợ đảm bảo chất lượng công trình, tiến độ đầu tư và đưa công trình vào hoạt động theo quy định.

b) Thực hiện quản lý, kinh doanh khai thác chợ có hiệu quả và đảm bảo đầy đủ, đúng theo quy định. Trường hợp chợ đầu tư xong đưa vào hoạt động chính thức trên 90 (chín mươi) ngày mà số điểm kinh doanh đưa vào hoạt động khai thác đạt dưới 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trên tổng số điểm kinh doanh thiết kế của chợ, thì chủ đầu tư sẽ không được cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận địa điểm đầu tư chợ và không được UBND tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí đầu tư chợ nông thôn trong vòng 02 (hai) năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Thực hiện lập hồ sơ, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đầu tư chợ nông thôn theo quy định hiện hành.

d) Tích cực phối hợp Ban Chỉ đạo giải tỏa, di dời chợ và chính quyền địa phương thực hiện di dời các hộ kinh doanh tại chợ tạm, chợ thuộc diện di dời, giải tỏa, chấm dứt hoạt động đến chợ mới xây dựng để hoạt động mua bán.”

5. Bãi bỏ Điểm d Khoản 2 Điều 2

6. Sửa đổi, bổ sung Danh sách chợ nông thôn đầu tư xây dựng giai đoạn 2016 - 2020 (Phụ lục III kèm theo).

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2016.

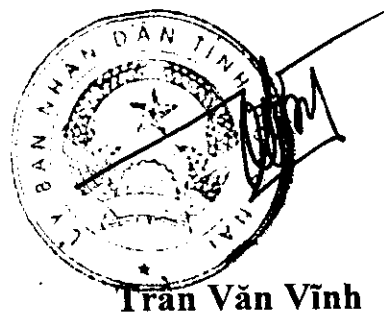
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 về việc điều chỉnh danh sách chợ nông thôn đầu tư xây dựng năm 2015, giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; các nội dung còn lại của Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Liên minh Hợp tác xã, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ: Công Thương, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh Đồng Nai;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.



Trần Văn Vĩnh

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số ...61...../2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016
của UBND tỉnh Đồng Nai)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THỊ XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: / ngày tháng năm 201.....

V/v đề nghị hỗ trợ kinh phí ngân
sách tỉnh đầu tư chợ

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Công Thương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số/2016/QĐ-UBND ngày/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; Quyết định số/QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (nếu có), trong đó chợ phân kỳ đầu tư xây dựng vào năm;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày của UBND về việc phê duyệt quy hoạch đề án nông thôn mới xã, huyện

UBND huyện/thị đề nghị Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, chấp thuận hỗ trợ ngân sách tỉnh đầu tư chợ nông thôn, cụ thể như sau:

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỢ

- a) Tên chợ:, mã số quy hoạch (mới).....
- b) Địa chỉ:
- c) Tổng số điểm kinh doanh theo thiết kế:, trong đó,
 - Số sạp:
 - Số ki-ốt:
- d) Dự kiến tổng số hộ kinh doanh cố định:
- đ) Hạng chợ:

e) Tổng diện tích đất: m² (đã trừ hàng lang bảo vệ đường bộ - nếu có)

g) Diện tích xây dựng: m²

h) Tính chất đầu tư:

- Xây dựng mới (hoàn toàn):
- Xây mới ở vị trí khác: để di dời chợ
- Xây dựng mới trên nền chợ cũ:
- Nâng cấp, sửa chữa:

i) Văn bản phê duyệt phương án bố trí, sắp xếp ngành hàng kinh doanh, điểm kinh doanh tại chợ số ngày..... của UBND huyện/thị

k) Loại hình quản lý chợ sau khi đưa vào hoạt động:

- Ban quản lý, tổ quản lý chợ:
- Đơn vị kinh doanh, quản lý chợ:
- Thương nhân đầu tư, quản lý và kinh doanh khai thác chợ:

2. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ

a) Giấy phép xây dựng chợ hoặc Quyết định đầu tư xây dựng chợ của cấp có thẩm quyền số ngày..... của

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chợ số ngày.....; trong đó nêu rõ nguồn gốc đất xây dựng chợ (đất công hoặc đất do dân hiến tặng hoặc đất cao su hoặc đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất,...)

c) Ngày khởi công:

d) Thời gian xây dựng:

đ) Ngày đưa vào hoạt động:

e) Nguồn vốn đầu tư

Chi tiết theo hạng mục đầu tư và kinh phí đề nghị hỗ trợ, cụ thể như sau:

S T T	Tên hạng mục	Tổng dự toán được duyệt (đồng)	Kinh phí đề nghị hỗ trợ của ngân sách tỉnh (đồng)	Kinh phí đề nghị hỗ trợ của ngân sách huyện (đồng)	Phần đóng góp của hộ kinh doanh (đồng)	Ghi chú
I	Chi phí xây dựng công trình					
1	San lấp mặt bằng					
2	Xây dựng nhà lồng					
3	Hệ thống đường nội bộ					
4	Hệ thống cấp điện					
5	Hệ thống cấp và thoát nước					

S T T	Tên hạng mục	Tổng dự toán được duyệt (đồng)	Kinh phí đề nghị hỗ trợ của ngân sách tỉnh (đồng)	Kinh phí đề nghị hỗ trợ của ngân sách huyện (đồng)	Phần đóng góp của hộ kinh doanh (đồng)	Ghi chú
6	Hệ thống xử lý rác thải					
7	Hệ thống phòng cháy chữa cháy					
8	Văn phòng ban quản lý					
9	Nhà vệ sinh					
10	Công chợ					
11					
II	Chi phí thiết bị					
III	Chi phí quản lý dự án					
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng					
V	Chi phí khác					
VI	Dự phòng phí					
TỔNG CỘNG						

Kinh phí đề nghị hỗ trợ là: đồng (viết bằng chữ: đồng)

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: đồng

- Ngân sách huyện hỗ trợ: đồng (nếu có)

3. CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO CHỢ HOẠT ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ

a) Dự kiến phương án kinh doanh khai thác chợ (thu hồi vốn đầu tư)

b) Các giải pháp đảm bảo chợ hoạt động có hiệu quả

c) Các đề xuất, kiến nghị

Trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp là chủ đầu tư chợ thì có thêm nội dung cam kết sau: Hợp tác xã, doanh nghiệp cam kết sau khi chợ đầu tư xong đưa vào hoạt động đảm bảo có hiệu quả, trường hợp sau 90 (chín mươi) ngày chợ đi vào hoạt động chính thức mà số điểm kinh doanh đưa vào hoạt động khai thác đạt dưới 75% (bảy mươi lăm phần trăm) trên tổng số điểm kinh doanh thiết kế của chợ, thì hợp tác xã, doanh nghiệp (ghi rõ tên) sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định.

Rất mong Quý Sở sớm thẩm định, trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, chấp thuận hỗ trợ ngân sách tỉnh đầu tư chợ nông thôn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 61 /2016/QĐ-UBND ngày 28/10/ 2016 của UBND tỉnh Đồng Nai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên địa phương
hoặc Hợp tác xã, Doanh nghiệp

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201.....

BẢNG TỔNG HỢP HỘ KINH DOANH CAM KẾT VÀO CHỢ BUÔN BÁN SAU KHI XÂY DỰNG HOÀN THÀNH

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Chứng minh thư nhân dân		Đăng ký kinh doanh ngành hàng	Tình trạng kinh doanh		Ký tên hoặc lần tay	Ghi chú
			Số	Ngày cấp		Nơi cấp	KD tại chợ		
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
TỔNG CỘNG									

NGƯỜI LẬP

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

(nơi chợ đầu tư xây dựng)

(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH CHỢ NÔNG THÔN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số 61 /2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	TT	Tên chợ	Địa điểm	Mã quy hoạch		Thuộc xã điểm	Tổng diện tích (m ²)	Hạng chợ	Tình chất đầu tư				
				Cũ	Mới				Xây dựng mới	Xây mới trên nền chợ cũ	Di dời- xây mới ở vị trí khác	Nâng cấp cải tạo chợ đã có sẵn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	I	Huyện Trảng Bom				2			0	3	4	3	
1	1	Chợ Trường An	Ấp Trường An, xã Thanh Bình	A45	C44	X	2.166,7	3		X			
2	2	Chợ Hưng Long	Ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	A34	C45	X	2.222,4	3		X			
3	3	Chợ Bờ Hồ	Thị trấn Trảng Bom	A33	C30			3			X		
4	4	Chợ Sông Mây	Ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn	A197	C34		7.000	2			X		
5	5	Chợ Đồi 61	Ấp Tân Phát, xã Đồi 61	A42	C39		4.000	3			X		
6	6	Chợ Quảng Biên	Ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	A37	C40		3.458	3			X	X	
7	7	Chợ An Viễn	Ấp 3, xã An Viễn	A41	C42		8.275	3			X		
8	8	Chợ Bầu Hàm	Xã Bầu Hàm	A44	C43		1.212	3				X	
9	9	Chợ Hưng Thịnh	Ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	A35	C46		3.438	3		X			
10	10	Chợ Cây Gáo	Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	A36	C51		2.907	3				X	
	II	Huyện Thống Nhất				4			0	0	1	6	
11	1	Chợ Phan Bội Châu	Ấp Phan Bội Châu, xã Bầu Hàm 2	A59	C60	X	3.000	3			X		
12	2	Chợ Hưng Lộc	Ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc	A55	C65	X	870	3				X	
13	3	Chợ Phúc Nhạc	Ấp Phúc Nhạc, xã Gia Tân 3	A48	C55	X	962	2				X	
14	4	Chợ Vô Đông	Ấp Vô Đông, xã Gia Kiệm	A58	C58		498	3				X	
15	5	Chợ Dầu Giây	Ấp Trần Cao Vân, xã Bầu Hàm 2	A47	C59	X	3.016,1	2				X	
16	6	Chợ Tân Lập	Ấp 2, xã Lộ 25	A54	C63		1.016	3				X	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
17	Chợ Lê Lợi		Áp Lê Lợi, xã Quang Trung	A51	C57		946	3				X
	III	Huyện Định Quán				1			0	2	5	5
18	1	Chợ Suối Nho	Áp chợ, xã Suối Nho	A80	C81	X	4.487	3		X		
19	2	Chợ Phú Hòa	Áp 3, xã Phú Hòa	A85	C76		3.988,4	3		X		X
20	3	Chợ Trung tâm Định Quán	Áp Hiệp Đồng, thị trấn Định Quán	A77	C71		5.000	2				X
21	4	Chợ Phú Lợi	Áp 2, xã Phú Lợi	A76	C73		3.291	2				X
22	5	Chợ 105- Phú Ngọc	Áp 2, xã Phú Ngọc	A90	C77		5.488,6	3			X	
23	6	Chợ Túc Trung	Áp Hòa Bình, xã Túc Trung	A84	C79		3.472,5	3			X	X
24	7	Chợ xã Gia Canh	Áp 2, xã Gia Canh	A79	C80		10.000	3				X
25	8	Chợ Thanh Sơn	Áp 1, xã Thanh Sơn	A92	C82		3.000	3			X	
26	9	Chợ Lâm Trường III	Áp 7, xã Thanh Sơn	A91	C84			3			X	
27	10	Chợ Ngã ba 107	Áp Hòa Trung, xã Ngọc Định	A94	C85		1.173	3			X	
28	11	Chợ Bến phà 107	Áp Hòa Thành, xã Ngọc Định	A93	C86			3			X	
29	12	Chợ Vĩnh An- La Ngà	Áp Vĩnh An, xã La Ngà	A88	C89			3			X	
	IV	Huyện Tân Phú				2			0	1	4	3
30	1	Chợ Phú Lộc	Áp 6, xã Phú Lộc	A63	C93		2.390	3				X
31	2	Chợ Nam Cát Tiên	Áp 5, xã Nam Cát Tiên	A65	C95		2.796	3				X
32	3	Chợ 138- Phú Sơn	Áp Phú Lâm 3, xã Phú Sơn	A66	C96		1.542,5	3				X
33	4	Chợ Đắc Lua	Áp 12, xã Đắc Lua	A67	C97		2.578,4	3			X	
34	5	Chợ Núi Tượng	Áp 4, xã Núi Tượng	A68	C98		1.553,6	3		X		
35	6	Chợ Phú Xuân (Ngọc Lâm)	Áp Ngọc Lâm, xã Phú Xuân	A69	C99	X	3.055	3			X	
36	7	Chợ Phú Thịnh	Áp 6, xã Phú Thịnh	A73	C102	X	1.000	3			X	
37	8	Chợ Phú Thạnh	Áp Bầu Mây, Xã Phú Thạnh	A75	C104		5.000	3			X	
	V	Thị xã Long Khánh				1			0	3	0	4
38	1	Chợ Bảo Vinh	Áp Ruộng Lớn, xã Bảo Vinh	A98	C110		1.296	3				X
39	2	Chợ Xuân Tân	Áp Tân Phong, xã Xuân Tân	A97	C111	X	1.801,8	3		X		X
40	3	Chợ Hàng Gòn	Áp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn	A103	C112		963	3				
41	4	Chợ Bầu Sen	Áp Núi Đò, xã Bầu Sen	A 104	C114		670	3		X		
42	5	Chợ Bầu Cối	Áp Bầu Cối, xã Bảo Quang	A100	C117		671	3				X
.43	6	Chợ Xuân Lập	Áp An Lộc, xã Xuân Lập	A102	C119		4.415	3				X

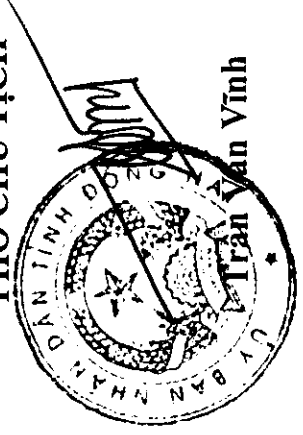
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
44	7	Chợ Phú Mỹ	Ấp Phú Mỹ, xã Xuân Lập	Chùa MS	C120		329	3		X		
	VI Huyện Xuân Lộc					6			0	1	1	14
45	1	Chợ Xuân Lộc	Khu 4, thị trấn Gia Ray	A116	C121		2.418,7	2				X
46	2	Chợ Xuân Đà	Ấp 5, xã Xuân Tâm	A109	C122		5.692	2				X
47	3	Chợ Xuân Hưng	Ấp 2, xã Xuân Hưng	A111	C123		3.484	2				X
48	4	Chợ Xuân Thọ	Ấp Thọ Chánh, xã Xuân Thọ	A112	C124	X	3.660	3				X
49	5	Chợ Suối Cát	Ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát	A113	C125		4.730	2				X
50	6	Chợ Bảo Hòa	QL 1, ấp Hòa Hợp, xã Bảo Hòa	A114	C126	X	4.832	2				X
51	7	Chợ Gia Ray	Ấp Trung Nghĩa, xã Xuân Trường	A115	C127		2.778	3				X
52	8	Chợ Bình Hòa	Ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú	A118	C128	X	2.989	3		X		
53	9	Chợ Thọ Lộc	Ấp Thọ Lộc, xã Xuân Thọ	A119	C129	X	1.198,8	3				
54	10	Chợ Lang Minh	Ấp Đông Minh, xã Lang Minh	A120	C130		6.658	3				X
55	11	Chợ Tân Hữu	Ấp Tân Hữu, xã Xuân Thành	A121	C131		2.575	3				X
56	12	Chợ Xuân Hòa	Ấp 3, xã Xuân Hòa	A122	C132		2.116	3				X
57	13	Chợ Xuân Bắc	Ấp 2B, xã Xuân Bắc	A123	C133		6.492	3				X
58	14	Chợ Xuân Định	Ấp Bảo Định, Xuân Định	A125	C134	X	5.121	3				X
59	15	Chợ Mã Voi	Ấp Hòa Bình, xã Bảo Hòa	A127	C135	X	4.045	3				X
60	16	Chợ Trảng Táo	Xã Xuân Tâm	A128	C136			3			X	
	VII Huyện Vĩnh Cửu					1			0	0	3	2
61	1	Chợ Trị An	Ấp 1, xã Trị An, Vĩnh Cửu	A135	C144	X	3.000	3			X	
62	2	Chợ Thanh Phú	Ấp 1, xã Thanh Phú	Chùa MS	C141		20.000	3			X	
63	3	Chợ Hiếu Liêm	Ấp 3, xã Hiếu Liêm	A133	C142		10.000	3				X
64	4	Chợ Mã Đà	Ấp 1, xã Mã Đà	A134	C143		9.000	3			X	
65	5	Chợ Phú Lý	Ấp Lý lịch, xã Phú Lý	A136	C145		4.355,8	3				X
	VIII Huyện Nhơn Trạch					3			1	0	6	1
66	1	Chợ Phú Thạnh	Ấp 1, xã Phú Thạnh	A143	C151		818	3			X	
67	2	Chợ Phước An (nổi)	Ấp Bà Trường, xã Phước An	Chùa MS	C156	X	2.006,1	3	X			
68	3	Chợ Ấp 4 Long Thọ	Ấp 4, xã Long Thọ	A146	C158	X	750	3			X	
69	4	Chợ Long Tân	Ấp Vinh Tuy, xã Long Tân	Chùa MS	C159	X	2.000	3			X	
70	5	Chợ Phú Hữu	Ấp Cát Lái, xã Phú Hữu	A148	C160		1.998	3			X	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
71	Chợ Giồng Ông Đông	Áp Giồng Ông Đông, xã Phú Đông	A149	C161			1.411	3				X
72	Chợ Phú Hội	Áp Xóm Hố, xã Phú Hội	A150	C162			500	3			X	
73	Chợ Đoàn Kết	Áp Đoàn Kết, xã Vĩnh Thanh	Chưa MS	C165			800	3			X	
	IX	Huyện Long Thành				2			2	1	7	1
74	Chợ Long An	Áp 2, xã Long An	A185	C189	X		2.200	3			X	
75	Chợ áp 2, Bàu Cạn	Áp 2, xã Bàu Cạn	Chưa MS	C184			1.074,9	3	X			
76	Chợ Long Phú	Áp Long Phú, xã Phước Thái	Chưa MS	C197			1.512	3	X			
77	Chợ áp 5, Tam An	Áp 5, xã Tam An	Chưa MS	C180				3			X	
78	Chợ áp 6, Tân Hiệp	Áp 6, xã Tân Hiệp	A182	C181			10.000	3			X	
79	Chợ Cẩm Đường	Áp Cẩm Đường, xã Cẩm Đường	A193	C182			2.787	3		X		
80	Chợ An Viễn	Áp An Viễn, xã Bình An	A183	C190			10.000	3			X	
81	Chợ Phước Thái	Áp 1C, xã Phước Thái	A174	C177			1.931	2				X
82	Chợ Phước Hòa	Áp Tập Phước, xã Long Phước	A195	C187	X		6.000	3			X	
83	Chợ áp 6, Phước Bình	Áp 6, xã Phước Bình	A187	C193			14.923	3			X	
84	Chợ áp 10, Bình Sơn	Áp 10, xã Bình Sơn	A184	C195			9.700	3			X	
	X	Huyện Cẩm Mỹ				0			0	0	0	2
85	Chợ Nhân Nghĩa	Áp 3, xã Nhân Nghĩa	A169	C175			1.651,3	3				X
86	Chợ Xuân Quế	Áp 2, xã Xuân Quế	A167	C173			2.807,0	3				X
		TỔNG CỘNG	86	86	22	22			3	11	31	41

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh